

“Xa quê hương hơn 30 năm, tôi luôn hướng về quê hương từng giờ từng phút. Dù ai nói ngả nói nghiêng, con người Việt vẫn có một giá trị xứng đáng trên thế giới bằng lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước đã được chứng nghiệm cụ thể. Thế kỷ 21 là thế kỷ của niềm cảm thông toàn cầu. Tôi hi vọng Việt Nam sẽ tiếp tục vượt qua mọi thách thức, mở cửa đón nhận mọi thành phần của dân tộc để cùng nhau xây dựng đất nước”

GS. TS. Nguyễn Thuyết Phong

Có lẽ chưa có lúc nào số lượng kiều bào ở hải ngoại nói chung và trí thức Việt kiều nói riêng về thăm quê hương đông đảo và vui cho bằng dịp tết Ất Dậu vừa rồi. Trong một buổi họp mặt tiếp đãi chính thức diễn ra tại Hội trường Dinh Thống Nhất TP.HCM, Thủ tướng Phan Văn Khải cùng nhiều nhân vật quan trọng khác đã có mặt để chào đón và nói chuyện với trên 600 kiều bào từ gần 200 quốc gia và vùng lãnh thổ khắp nơi trên thế giới trở về đoàn tụ với quê hương và gia đình. Trong không khí ấm cúng của ngày tết truyền thống, người đại diện cho Nhà nước Việt Nam đã tâm tình thật cởi mở, bày tỏ lòng mong muốn có sự góp công, góp của, góp trí của mọi người Việt Nam dù ở trong nước hay nước ngoài nhằm đạt được những mục tiêu chung trong công cuộc chấn hưng đất nước. Năm nay Thủ tướng Chính phủ có vẻ còn cởi mở hơn những năm trước, đặc biệt khi ông thay vì trích dẫn lời nói của lãnh tụ chính trị như thói quen nói chuyện thông thường, lại đọc mấy câu của nhà sư Nhất Hạnh viết trong đoạn đầu một quyển sách đã trao tặng cho ông khi về nước: “Con người một khi không tiếp xúc được với

Tiềm lực trí thức Việt kiều

TRẦN KHUYẾT NGHI



gốc rễ của mình thì không thể sống có hạnh phúc... Sự thật quan trọng nhất của tôi đang sống là trong tôi không còn hận thù và kỳ thị...”

Năm nay, trong số đông đảo Việt kiều về nước, có những gương mặt trí thức-văn nghệ sĩ khá đặc biệt, từ như nhà sư Nhất Hạnh và nhạc sĩ Phạm Duy..., chứng tỏ mối quan hệ giữa thành phần trí thức hải ngoại với Nhà nước Việt Nam đã có những thay đổi căn bản về chất. Do những điều kiện đặc thù của lịch sử, mối quan hệ này đôi khi đã bị chệch choạc ít nhiều và đáng tiếc trong quá khứ, thể hiện ở sự hạn chế về lòng tin cậy lẫn nhau lẽ ra không bao giờ nên có, vì nếu có, chỉ là sự tổn thất chắc chắn chung cho đại cuộc của cả dân tộc. Sự trở về lai rai của họ trong những năm trước và hăm hở dồn tụ trong năm nay nếu không cần xét về phương diện lợi ích quốc gia thì cũng là một tín hiệu đáng mừng trên khía cạnh tình cảm, tình tự dân tộc.

Có lẽ không sai lắm lắm khi cho rằng thành phần trí thức chiếm tỉ lệ đa số trong tổng số người Việt ở hải ngoại, sau khi trừ bớt số người di tản hoặc quân

nhân đi đoàn tụ gia đình sau năm 1975 do đủ loại hoàn cảnh. Bằng cứ là trong số 19 Việt kiều được nhận giải thưởng “Vinh danh nước Việt” do báo điện tử VietNamNet tổ chức ngày 18.2.2005 vừa rồi, tất cả 19 người đều là tiến sĩ, giáo sư hoặc chuyên gia cao cấp hoạt động trên nhiều lãnh vực khác nhau. Đây là một tiềm năng rất lớn mạnh để góp phần xây dựng đất nước thành công nếu Nhà nước vẫn tiếp tục chính sách cởi mở với chất lượng ngày càng cao hơn.

Tâm lý chung của đại đa số trí thức Việt kiều là đều có lòng hoài vọng nơi chôn nhau cắt rốn, thành thật mong muốn đóng góp công sức để xây dựng quê hương xứ sở nếu không bị một môi trường bất lợi nào khác gây cản trở. Một số người ngay từ buổi tha phương du học đã ôm ấp sẵn lý tưởng, hoài bão phục vụ quê hương; một số khác ban đầu ra đi nhờ có đủ điều kiện vật chất và chỉ vì nhu cầu thăng tiến bản thân, ở lại làm việc và thụ hưởng thành quả học tập sau khi thành tài tại nơi cư trú, nhưng do những mối ràng buộc bởi tình cảm gia đình, những kỷ niệm xa xưa từ

thời thơ ấu, lòng họ vẫn không sao rút khỏi hân hoan quê nhà còn nhiều gian nan vất vả. Một số ít khác nữa do hoàn cảnh chính trị-lịch sử bức xúc nhất thời có thể ly hương trong sự buồn bã bức dọc lúc đầu nhưng rồi ngày tháng cũng nguôi dần, trong tâm khảm họ vẫn còn đọng lại biết bao nỗi niềm vương vấn sâu đậm với nơi mà có lúc họ tưởng có thể dứt lìa một cách hoàn toàn.

Nhân sự kiện 19 kiều bào nhận giải thưởng "Vinh danh nước Việt", nhiều vị trí thức Việt kiều đã phát biểu rất chân thành, cảm động, như có thể dẫn lời của GS. TS. Nguyễn Thuyết Phong, viết từ Mỹ: *"Xu quê hương hơn 30 năm, tôi luôn hướng về quê hương từng giờ từng phút. Dù ai nói ngả nói nghiêng, con người Việt vẫn có một giá trị xứng đáng trên thế giới bằng lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước đã được chứng nghiệm cụ thể. Thế kỷ 21 là thế kỷ của niềm cảm thông toàn cầu. Tôi hi vọng Việt Nam sẽ tiếp tục vượt qua mọi thách thức, mở cửa đón nhận mọi thành phần của dân tộc để cùng nhau xây dựng đất nước"*.

Cách nay hơn 10 năm, khi các chính sách trong nước trên thực tế chưa được rõ ràng, đã có một số trí thức người Việt ở hải ngoại tìm cách qua lại Việt Nam. Họ cố gắng đi trước một bước, bất chấp sự ngăn cản, phê phán của một số người hẹp hòi khác trong cùng cộng đồng, với hi vọng sẽ có được một ảnh hưởng tích cực nào đó cho tiến trình phát triển kinh tế-xã hội của Việt Nam. Phải thành thật nhận rằng, một số trong họ đã có lúc thất vọng nào nề trước thực tế một Việt Nam còn đầy rẫy những điều phức tạp của giai đoạn đầu xây dựng, trong đó nổi bật lên trình độ nhận thức, quản lý yếu kém của không ít cán bộ mà họ có dịp tiếp xúc để làm việc, thái độ hoặc lạm dụng hoặc luôn ngờ vực của một số người khác trong hàng ngũ chức trách, nhất là thực trạng tham nhũng hối lộ trái hẳn với lý tưởng công bằng xã hội, cũng như những biểu hiện không lành mạnh khác về mặt xây dựng một xã hội dân chủ.

Trong não trạng của người trí thức Việt kiều, khái niệm về dân chủ tự do mà họ quen thụ hưởng theo lối phương tây đã trở thành một điểm nhạy cảm nổi bật, đến nỗi có thể sẽ là quan điểm ưu tiên để đánh giá mọi sự việc khác. Đây

cũng có thể là một trở trở về mặt tri kiến, giống như người học nhiều thì bị cái "sở tri chướng" (cái chướng ngại do sự hiểu biết) nó che lấp, nên trong dịp tiếp xúc với vài anh em trí thức Việt kiều, tôi đã tìm cách thuyết phục, nói rằng Việt Nam cũng có một lối dân chủ độc đáo riêng biệt, ai biết cách vận dụng thì có thể hưởng được tuy có hơi mất công lòng vòng một tí, nhưng vấn đề mấu chốt là phải tranh đấu làm sao cho mọi người cùng khổ lép vế trong xã hội cũng hưởng được trên cơ sở xây dựng một hệ thống pháp luật có ý nghĩa phổ biến.

Tôi hiểu có nhiều người còn lẩn tránh về chuyện trở về phục vụ ở Việt Nam. Không ít người trong số họ tuy có thiện chí nhưng cũng tìm cách đổ trách nhiệm cho người khác hoặc hoàn cảnh, viện dẫn rằng ở Việt Nam bụi và rác nhiều, không có an toàn giao thông, tất cả các hệ thống về giáo dục và y tế vệ sinh đều yếu kém, cán bộ Việt Nam chuyên ăn hối lộ và chỉ biết có tiền... Họ tự bào chữa rằng mình hoàn toàn có thiện chí cũng như trong sạch, chỉ tại về phía Việt Nam không tạo được cho một môi trường thích hợp, với những điều kiện làm việc ưu việt đầy đủ, trong khi trên thực tế họ vẫn muốn và thích có được cuộc sống tương đối sung sướng ở nước ngoài. Họ bị ru ngủ trong tâm thức thăng hoa lãng mạn mà quên đi rằng những điều kiện như họ mong ước đồng bào họ cũng mong ước nhưng phải qua sự tranh đấu gian nan mới thành. Nếu như đã có sẵn thì người dân nghèo Việt Nam cũng không cần họ đóng góp làm chi cho phiền, lại phải mất công đón tiếp, đãi đằng nầy nọ. Chuyện nầy khác nào một người thỉnh thoảng về quê, hưởng một bữa nhậu ngon dưới đêm trăng bên bờ ruộng đầy cá nhảy, khen rằng quê đẹp, mình đã chán cảnh thị thành, nhưng khi bà con tin tưởng, hi vọng, cố kéo níu ở lại thêm một ngày cũng không chịu ở.

Cái thông bệnh của đại đa số trí thức Việt kiều là ở chỗ, cũng từ thiện chí, luôn vạch ra những mô hình phát triển theo cái cách đã học hỏi được ở nước được đào tạo, cả về khoa học-kỹ thuật lẫn mô thức dân chủ, muốn cho mình bằng hoặc hơn những nước khác, bằng phương thức hội nhập, thậm chí "đi tắt đón đầu" (về công nghệ thông

tin hay sinh học...), mà ít khi có những suy nghiệm tổng hợp sâu xa về mặt văn hóa, để làm sao xây dựng được một nước Việt Nam tuy không bằng người về các chỉ tiêu kinh tế nhưng vẫn đạt được một cuộc sống nhân ái, bình yên và hạnh phúc. Nói theo cách nói của nhà sư Nhất Hạnh, *"Giấc mơ Việt Nam là người Việt có khả năng sống đơn giản mà hạnh phúc, có thì giờ và tình thương để làm việc giúp cho người trong nước và ngoài nước vượt thắng nghèo khổ và bệnh tật, thất học, hòa giải được với người thân và tìm được nguồn vui sống"*.

Tuy nhiên, tâm lý của phần lớn trí thức Việt kiều là không đơn giản. Họ có vài điểm hơi "kiêu ngạo" lẽ tất nhiên của kẻ vừa học giỏi hơn người khác vừa không còn bản hàn như những đồng nghiệp của họ tại quê nhà. Tuy nhiên họ cũng ít nhiều mặc cảm về thân phận do đủ thứ hoàn cảnh tạo nên. Dù trong trường hợp nào, trách nhiệm của các nhà đương cuộc cũng phải tạo điều kiện trong quyền hạn cho phép của mình để đạt sự hòa giải tối đa, một cách chân thực chứ không phải bằng những lời lẽ tuyên truyền, bởi có mưu mẹo khôn khéo đến đâu cũng không thể lừa dối ai được. Đối với mọi người Việt ở hải ngoại, thiết nghĩ cần tạo một môi trường bình đẳng gần như tuyệt đối, không chỉ cho sự di chuyển qua lại bằng cách đơn giản hóa các thủ tục giấy tờ, mà còn cả về các phương diện chính trị, kinh tế.

Ở đây quyền lợi về chính trị đồng nghĩa với những quyền lợi về mặt tinh thần, tức là sự tin cậy, đó cũng chính là trung tâm điểm trong tâm can của mọi phần tử trí thức nói chung, có nghĩa thành phần trí thức Việt kiều sau khi giải quyết xong các thủ tục về mặt pháp lý cũng phải được tạo điều kiện để có quyền tham gia các hoạt động trong nước giống như mọi công dân khác. Nên giao cho họ đứng đầu một số ngành chuyên môn trong nước với thực quyền điều khiển đầy đủ; đối với một ít thành phần ưu tú đặc biệt, Chính phủ nên thành khẩn mời họ về giúp nước trong những cương vị quan trọng, không cần thông qua hoặc nếu cần thì vẫn thông qua những quy định bầu cử thông thường của Hiến pháp.

(Xem tiếp trang 19)

xuất và chế biến thủy sản, những bất lợi trong xuất khẩu thủy sản sang các thị trường lớn như EU hay Mỹ. Chất lượng đầu vào không bảo đảm không còn là nguy cơ tiềm ẩn nữa, mà trở thành nguy cơ thực sự dẫn tới đánh mất thị trường tiêu thụ rộng lớn này. Trình độ công nghệ kỹ thuật của ngành thủy sản vẫn chưa đáp ứng kịp những nhu cầu và đòi hỏi về mặt chất lượng sản phẩm và vệ sinh an toàn thực phẩm, tỉ lệ các doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn HACCP còn rất thấp đang thực sự là những thách thức lớn cho việc phát triển ngành thủy sản VN.

- Tỉ trọng hàng thủy sản sơ chế còn chiến tỉ trọng cao trong tổng kim ngạch xuất khẩu của ngành thủy sản, ảnh hưởng đến lợi nhuận đạt được của ngành, đồng thời làm giảm sức mạnh cạnh tranh đối với các thị trường lớn như Mỹ và EU. Muốn nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm thủy sản xuất khẩu, ngành thủy sản VN phải đổi mới với áp lực đa dạng hoá sản phẩm, nâng cao khả năng phát triển sản phẩm mới, những sản phẩm có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu cao cấp của những thị trường phát triển. Điều này đòi hỏi phải tăng cường đầu tư trang thiết bị công nghệ, nâng cao năng lực quản lý và áp dụng những phương pháp quản lý mới tức là chúng ta phải đứng trước thách thức

về vốn đầu tư và quá trình tái cấu trúc mạnh mẽ các doanh nghiệp trong ngành thủy sản.

Với những thuận lợi và những thách thức của quá trình phát triển, để đạt được mục tiêu chiến lược của ngành thủy sản đến năm 2010 là phát triển ổn định và bền vững, đạt kim ngạch xuất khẩu 4 tỉ USD, cần phải có những biện pháp thích hợp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cho ngành thủy sản. Nhìn một cách tổng quát, trước những áp lực cạnh tranh ngày càng tăng từ các nước trong khu vực và trên thế giới, để ngành thủy sản VN trở thành một ngành công nghiệp quan trọng đóng góp tích cực vào sự tăng trưởng và phát triển của nền kinh tế VN, ngành thủy sản VN cần tập trung vào các biện pháp chính. Đó là: (1) hoàn thiện cơ chế quản lý ngành và các chính sách phát triển tạo điều kiện phát triển nhanh chóng các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế để khai thác nội lực cho sự phát triển chung của ngành; (2) tái cấu trúc nhanh chóng các doanh nghiệp thủy sản theo hướng hội nhập và khai thác tối đa lợi thế so sánh của mình; (3) tập trung qui hoạch nguồn nguyên liệu bảo đảm sự ổn định cả về số lượng lẫn chất lượng đầu vào, tạo sự ổn định và duy trì lợi thế chi phí cho các doanh nghiệp của

ngành thủy sản; (4) đa dạng hoá sản phẩm và thị trường nhằm tăng khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp đồng thời giảm đến mức thấp nhất sự lệ thuộc vào một thị trường chính, bảo đảm sự phát triển mang tính ổn định và bền vững; (5) xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm thủy sản VN, tạo ra năng lực và lợi thế cạnh tranh về thương hiệu làm tăng giá trị gia tăng của sản phẩm thủy sản xuất khẩu của VN trên thị trường thế giới; (6) tập trung trang bị công nghệ kỹ thuật phù hợp đáp ứng những tiêu chuẩn chất lượng mới nhưng bảo đảm phù hợp trong điều kiện nguồn vốn đầu tư còn hạn chế hiện nay và (7) đào tạo phát triển nhân lực trong ngành thủy sản nhằm tăng năng suất lao động, giảm chi phí và tăng khả năng tiếp cận những công nghệ kỹ thuật hiện đại và trình độ quản lý mới bảo đảm tốc độ tăng trưởng nhanh của ngành thủy sản trong hội nhập kinh tế.

Những giải pháp được nêu ra trên đây mang tính tổng thể, chúng tôi sẽ trình bày cụ thể sau ■

Chú thích

- (1) PGS.TS Đoàn Thị Hồng Vân, Xuất khẩu 2005 hướng tới mục tiêu 30,5 tỉ USD, Tạp chí Phát triển kinh tế số 172, tháng 2.2005, trang 23.
- (2) Nguồn Bộ thủy sản.
- (3) Nguồn <http://www.vasep.com.vn>.

(Tiếp theo trang 16)

Tiềm lực trí thức ...

Ngày nay vẫn còn có những người ở hải ngoại do cách nhìn nhận mơ hồ về thực chất của chủ nghĩa xã hội, lầm lẫn giữa việc chống cái ác cái xấu với chống chủ nghĩa xã hội, không chịu suy nghĩ thêm để thấy cái có "trùng trùng duyên khởi". Chủ nghĩa xã hội thông qua các điều kiện thực tế có thể trở nên khiếm khuyết ở một số trường hợp, nhưng đã người trí thức thì phải biết khoan dung, chống hay xây đều cần dựa trên nền tảng phân tích văn hóa-triết học-xã hội của những vấn đề đang xét. Chẳng hạn dù ghét hay ưa, người ta cũng không thể suy nghĩ một vấn đề liên quan đến nhân loại mà phủ nhận sạch trơn như

chưa bao giờ có chủ nghĩa cộng sản tồn tại trên đời, cũng không thể vì ghét cộng sản mà chống lại con người, nghĩa là gián tiếp chống lại những người lao động nghèo khổ đang thật sự cần sự giúp đỡ.

Tôi cho rằng tiềm lực của trí thức Việt kiều ngoài khả năng đóng góp về mặt tiền của và tri thức cụ thể, còn có khả năng tác động mạnh mẽ về mặt phê bình, như nhiều người có thiện ý đã làm thể hiện qua những cuộc gặp gỡ bàn bạc với chính quyền hoặc bài viết trên báo bằng những lời lẽ khiêm cung và nhã ái. Lê-nin đã từng nhắc nhở những đồng chí cách mạng của mình, được kể trong cuốn sách của An-ri Gi-li-bô: "Người chú ý lắng nghe ý kiến của những kẻ đối lập cũng như chú ý đọc sách, đọc các

bài báo của kẻ thù và ghi nhận xét của mình vào sách. Tôi thường bắt gặp Người nghiên cứu và nhận xét các sách của bọn "Trắng" xuất bản ở Béc-ling, Pa-ri hoặc Tô-ki-ô. Nét mặt người rạng rỡ, "Những người này đã giúp đỡ chúng ta rất nhiều. Họ nhắc chúng ta chú ý đến tất cả những sai lầm và hành động ngược ngặc mà chúng ta đã mắc phải. Chúng ta phải cảm ơn họ". Trái lại Người không ưa kẻ khác tấn tưng mình hoặc thù ghét thêm những thành tích đã đạt được ở Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết Nga, dù chỉ là để tuyên truyền, "Chúng ta không cần bọn xiêm nịnh. Chúng ta cần những người nói thật" (Lê-nin, Bàn về văn học nghệ thuật, NXB. Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội, 1963, tr. 113-114) ■